|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Bình, ngày tháng năm 2020* |

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH**

Ngành đào tạo**: Ngôn ngữ Trung Quốc** Mã số**:7220204**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điều kiện mở ngành** | **Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo** | **Ghi chú** |
| 1 | **I. Sự cần thiết phải mở ngành**  1.1 Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong tỉnh và một số tỉnh bạn trong khu vực, căn cứ vào những điều kiện thực tế cho sự phát triển của nhà trường hiện nay và trong tương lai, nhằm đáp ứng sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giai đoạn 2016- 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.  Việc đề nghị mở thêm ngành Đại học Tiếng Trung là nằm trong lộ trình thực hiện các chỉ tiêu đào tạo trong đề án, cụ thể hóa dự kiến đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, cụ thể hóa đường lối của Đảng về phát triển thương mại và du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Việc mở thêm mã ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, trình độ đại học là đáp ứng nhu cầu thực tế của cơ sở, phù hợp với  nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, và các tỉnh trong khu vực.  Theo thống kê của Tổng Cục du lịch Việt Nam, lượng khách du lịch từ Trung Quốc đến Việt Nam đạt khoảng 400.000 lượt khách mỗi tháng, trung bình hàng năm lượng khách Trung Quốc đạt con số kỷ lục với hơn 5 triệu lượt khách. Tại khu vực miền Trung, Đà Nẵng đang là một trong những điểm đến được ưa chuộng bậc nhất của các khách du lịch Trung Quốc. Với lượng khách du lịch cũng như doanh nhân đến từ Trung Quốc khá ổn định như trong những năm gần đây, thành phố Đà Nẵng nói riêng đang có nhu cầu khá lớn về nhân sự sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc.Việc ký kết các hiệp định thương mại quốc tế cùng với chính sách mở cửa của nước ta đã kéo theo làn sóng đầu tư mạnh mẽ của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp và công ty đa quốc gia trong đó có Trung Quốc đang liên tục vào Việt Nam. Nhiều tập đoàn lớn, công ty, nhà máy, khu công nghiệp đã ráo riết tìm kiếm những nhân sự thông thạo tiếng Trung Quốc đặc biệt là các kỹ sư cầu nối, thông dịch viên, biên dịch viên, hay nhân sự cấp quản lý... Do đó, nhu cầu nguồn nhân lực tiếng Trung Quốc luôn tăng cao trong những năm gần đây. Nhu cầu tuyển dụng nhân sự của các khách sạn, công ty, tập đoàn lớn như Crowne Plaza, Casino Hoi An, SunGroup, Hoiana… là rất lớn nhưng cung vẫn không đủ cầu.Nhu cầu tuyển dụng lao động biết tiếng Trung cũng tăng mạnh. Điều này cho thấy tác động từ sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư của Trung Quốc sang Việt Nam. Theo VietnamWorks, số lượng tuyển dụng lao động biết tiếng Trung trên website này trong 5 tháng đầu năm 2019 đã tăng 33% so với cùng kỳ. Riêng tỉnh Quảng Bình rất cần nguồn nhân lực biết tiếng Trung trong các giao dịch kinh tế thương mại, du lịch ( như Khu kinh tế Vũng Áng, Hòn La, Công ty xuất nhập khẩu Quảng Bình, doanh nghiệp chiếu trúc Điệp Xuân, Động Phong Nha, động Thiên Đường, Phòng khám đông y Trung Quốc, Nhà máy sản xuất gỗ ép ở khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, nhà máy sản xuất thức ăn gia súc ở Bố Trạch, khu nghỉ dưỡng cao cấp Mỹ Cảnh- Bảo Ninh...). | Đạt yêu cầu |  |
|  | 1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành.  Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 10/10/2017 có hiệu lực từ ngày 25/11/2017 thì ngành Ngôn ngữ Trung Quốc , có mã số 7220204 phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành. | Đạt yêu cầu |  |
|  | 1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có) | Đạt yêu cầu |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1.4. Trường Đại học Quảng Bình là trường Đại học đa ngành trực thuộc tỉnh Quảng Bình, do vậy chiến lược phát triển của trường luôn theo sát định hướng, chiến lược phát triển của tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên đẩy mạnh và phát triển các thế mạnh của Nhà trường, đồng thời bám sát nhu cầu, lợi thế của địa phương, định hướng phát triển của Nhà trường theo hướng ứng dụng. Theo kế hoạch số 1723/ĐHQB – KH về kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 cho thấy cần thiết mở thêm những ngành đại học có nhu cầu cao trong tỉnh và cả nước, sẽ tập trung đầu tư để bổ sung thêm trang thiết bị cho các phòng thực hành đã có, xây dựng thêm một số phòng thực hành chất lượng cao đáp ứng được với sự phát triển của trường giai đoạn 2019-2025. | Đạt yêu cầu |  |
|  | 1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo (Phụ lục đính kèm) | Đạt yêu cầu |  |
| 2 | **II. Đội ngũ giảng viên**  2.1 Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo.  Tổng số giảng viên cơ hữu là 27 GV, trong đó có 05 Tiến sỹ, 21 Thạc sỹ và 01 Cử nhân, 100% giảng viên cơ hữu của trường.  2.2. Giảng viên cơ hữu  - Tổng số tiến sĩ, thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: 11  - Số tiến sỹ cùng ngành: 03  - Số thạc sỹ cùng ngành: 04  2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo  (Đính kèm phụ lục) | Đạt yêu cầu |  |
| 3 | **III. Cơ sở vật chất**  3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm.  Phòng học: có 75 phòng học lý thuyết với diện tích 12.642m2, 7 phòng học máy tính gần 300 máy và phòng học ngoại ngữ với đầy đủ thiết bị, hệ thống máy chiếu, Internet và wifi được trang bị tốt. Nhà trường có kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc trong quá trình đào tạo ngành nhằm đáp ứng tốt nhất điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.  3.2. Thư viện, thư viện điện tử  - Diện tích thư viện: 3160 m2  - Diện tích phòng đọc: 1.050 m2  - Phòng đọc và mượn tài liệu: 04  - Phòng Lab, phòng máy tính: 02  - Phòng Hội thảo, chuyên đề: 05  - Các phòng tự học, tự nghiên cứu, học nhóm, đa phương tiện, Phòng Truyền thống và các dịch vụ khác.  - Số chỗ ngồi: 370; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 32  - Phần mềm quản lý thư viện: 02  - Thư viện điện tử: 01  Tổng số lượng bản sách: 100.087 (bản), 12.801 (đầu sách).  Đầu báo, tạp chí các loại ấn phẩm định kỳ khác: 730 loại.  Bài giảng, giáo trình nội bộ: 561 đầu. Hằng năm, nhà trường mua sắm bổ sung các giáo trình, sách, tài liệu tham khảo có liên quan đến ngành đào tạo.  3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo  Website: <http://www.quangbinhuni.edu.vn>.  Hoạt động Website của trường Đại học Quảng Bình thực hiện theo Quyết định số 31/QĐ-ĐHQB - Quyết định về việc ban hành Quy định sử dụng và quản lý hệ thống Website Trường ĐHQB ban hành ngày 18/11/2012. | Đạt yêu cầu |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4 | **IV. Chương trình đào tạo**  4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo  Chương trình đào tạo xây dựng theo Thông tư số: 22/2017/TT- BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bào gồm các nội dung:  1. Mục tiêu đào tạo  *1.1.Mục tiêu chung*  Chương trình nhằm đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có sức khoẻ tốt, có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết tốt các công việc chuyên môn có liên quan đến Ngôn ngữ Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.  *1.2. Mục tiêu cụ thể*  *1.2.1. Kiến thức*  + Có kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, ngôn ngữ, có kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết đối với một cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc;  + Hiểu biết và nắm vững nguyên lý cơ bản của triết học Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cần thiết về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội- nhân văn; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng.  + Nắm vững kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng phù hợp với ngành được đào tạo.  + Có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Trung Quốc (ngữ âm, văn tự, ngữ pháp, tu từ), đạt được kỹ năng giao tiếp tiếng Trung (nghe, nói, đọc, viết), thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội, giao tiếp trong môi trường làm việc và nghiên cứu khoa học.  + Tích lũy được kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế-chính trị, văn hóa- xã hội, địa lý, lịch sử của Trung Quốc cũng như cộng đồng người Hoa trên thế giới.  + Đạt chuẩn đầu ra bậc 4 theo thang ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc cấp 4 chuẩn đầu ra đánh giá HSK mới (Chuẩn đánh giá năng lực tiếng Trung của Trung Quốc) hoặc các chuẩn tương đương hợp pháp.  + Nắm vững kiến thức về công nghệ thông tin và công nghệ hỗ trợ ứng dụng trong công việc và nghiên cứu khoa học.  + Có kiến thức về các vấn đề lý luận dịch thuật, kỹ năng, kỹ thuật nghiệp vụ phiên dịch và biên dịch tiếng Trung Quốc.  + Tích lũy được kiến thức ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 theo KNLNN 6 bậc của Việt Nam.  + Hiểu biết về nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp, nắm vững cách thức triển khai một vấn đề nghiên cứu và ứng dụng, phương pháp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.  *1.2.2. Kỹ năng*  + Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, lý giải các hiện tượng đời sống xã hội và giải quyết các vấn đề thực tiễn công việc một cách khoa học.  + Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong môi trường làm việc.  + Có kỹ năng hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn như công tác biên, phiên dịch liên quan đến tiếng Trung Quốc trong lĩnh vực khách sạn-du lịch và văn phòng.  + Có kỹ năng làm việc nhóm, vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau.  + Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng và kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc thực tế.  + Có kĩ năng nghiên cứu khoa học, tổ chức tiến hành tốt các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng thuộc lĩnh vực tiếng Trung Quốc.  *1.2.3. Thái độ*  Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và tinh thần yêu nước. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao. Có ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.*1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp*  + Đảm nhận công việctại các cơ quan quản lý du lịch, khách sạn, công ty du lịch, văn phòng tour như nhân viên lễ tân, nhân viên nhà hàng, nhân viên lữ hành.  + Đảm nhận công việc tại các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế, các công ty, tập đoàn mà tiếng Trung Quốc là ngôn ngữ làm việc chính thức, hoặc có mối liên hệ thường xuyên với các quốc gia, vùng lãnh thổ sử dụng tiếng Trung Quốc.  + Đảm nhận công việc đối ngoại, hợp tác quốc tế tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội; nhân viên các phòng marketing, quan hệ công chúng tại các doanh nghiệp du lịch, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các công ty tổ chức sự kiện-hội nghị.  + Đảm nhận công việc hoặc vị trí tại các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm dạy nghề (sau khi đã học thêm một số môn về phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm).  *1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học*  - Tiếng Anh: Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp trình độ Đại học tại Trường Đại học Quảng Bình phải có chứng chỉ trình độ B1 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu (bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc tương đương.  - Công nghệ thông tin: Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng tại Trường Đại học Quảng Bình phải có chứng chỉ trình độ A2 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu (bậc 2/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc tương đương.  2. Chuẩn đầu ra  *2.1. Kiến thức*  + Hiểu biết và nắm vững nguyên lý cơ bản của triết học Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cần thiết về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội- nhân văn; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng; (CĐR1)  + Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng phù hợp với ngành được đào tạo; (CĐR2)  + Có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Trung Quốc (ngữ âm, văn tự, ngữ pháp, tu từ); Có kiến thức vềlý luận dịch thuật, kiến thức nghiệp vụ phiên dịch và biên dịch tiếng Trung Quốc; (CĐR3)  + Có kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế-chính trị, văn hóa- xã hội, địa lý, lịch sử của Trung Quốc cũng như cộng đồng người Hoa trên thế giới; (CĐR4)  + Đạt chuẩn đầu ra bậc 4 theo thang ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc cấp 4 chuẩn đầu ra đánh giá HSK mới (Chuẩn đánh giá năng lực tiếng Trung của Trung Quốc) hoặc các chuẩn tương đương hợp pháp; (CĐR5)  + Có kiến thức về công nghệ thông tin và công nghệ hỗ trợ ứng dụng trong công việc và nghiên cứu khoa học. Có kiến thức ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 theo KNLNN 6 bậc của Việt Nam; (CĐR6)  + Có kiến thức về nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp, nắm vững cách thức triển khai một vấn đề nghiên cứu và ứng dụng, phương pháp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; (CĐR7)  *2.2. Kỹ năng*  a) Kỹ năng cứng  + Có khả năng phân tích, lý giải các hiện tượng đời sống xã hội và giải quyết các vấn đề thực tiễn công việc một cách khoa học; (CĐR8)  + Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong môi trường làm việc; (CĐR9)  + Có kỹ năng hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn như công tác biên, phiên dịch liên quan đến tiếng Trung Quốc trong lĩnh vực khách sạn-du lịch và văn phòng; (CĐR10)  b) Kỹ năng mềm  + Có kỹ năng làm việc nhóm, vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm, làm việc trong các nhóm khác nhau; (CĐR11)  + Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng và kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc thực tế.; (CĐR12)  + Có kĩ năng nghiên cứu khoa học, tổ chức tiến hành tốt các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng thuộc lĩnh vực tiếng Trung Quốc; (CĐR13)  2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm  Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và tinh thần yêu nước. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao. Có ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; (CĐR 14)  3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng đơn vị học trình hoặc tín chỉ): 130 TC, chưa kể các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất có chứng chỉ riêng.  4. Đối tượng tuyển sinh:  - Thi tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định về tuyển sinh Cao Đẳng, Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  - Khối tuyển sinh: theo đề án đăng ký tuyển sinh.  5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp  Được tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và công nhận tốt nghiệp theo Quyết định số số: 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo về việc hợp nhất quy chế 43 và thông tư 57, thực hiện theo kế hoạch đào tạo do Hiệu trưởng quy định.  6. Cách thức đánh giá  Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.  Đánh giá kết quả theo Quyết định số Số: 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo về việc hợp nhất quy chế 43 và thông tư 57.  7. Nội dung chương trình đào tạo   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | Số  Tín chỉ | Tín chỉ  Bắt buộc | Tín chỉ  Tự chọn | | I. Kiến thức giáo dục đại cương | 36 | 36 | 0 | | II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 84 | 78 | 6/18 | | *Trong đó:* |  |  |  | | 1. Kiến thức ngôn ngữ | 12 | 10 | 2/6 | | 2. Kiến thức tiếng | 66 | 64 | 2/6 | | 3. Kiến thức văn hoá-văn học | 06 | 06 | 2/6 | | IV. Thực tập nghề nghiệp, khoá luận tốt nghiệp | 10 | 10 | 0 | | 1. Thực tập nghề nghiệp | 5 | 5 | 0 | | 2. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế | 5 | 5 | 0 | | Tổng cộng | 130 | 124 | 6/18 |   4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo (kèm theo)  4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo (*đính kèm mục 8.2 phụ lục 1*)  *Ghi chú: các modul Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Quốc phòng, Rèn nghề được đào tạo theo chương trình riêng.* | Đạt yêu cầu |  |
| 5 | **Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng**  5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định  5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định  5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có) | Đạt yêu cầu |  |

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS. Hoàng Dương Hùng**